

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1659/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vương Tấn Độ.
2. Ông Phạm Minh Khiết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chiêm Tiền Quý Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 895/2022/TLST-HNG ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H G, xã Đ T, thị xã Đ B, tỉnh Quảng Nam;

Nơi đăng ký tạm trú: Nhà số 65B, đường L T, phường B H H A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T T, huyện P N, tỉnh Quảng Nam.

Nơi đăng ký tạm trú: Nhà số 65B, đường L T, phường B H H A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; ông N vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Phạm Thị Tuyết M trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức N qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyền số 01/2013 do UBND xã T T, huyện P N, tỉnh Quảng Nam cấp

ngày 20/5/2014). Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do vợ chồng hoàn toàn không có sự chia sẻ, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn ngày một nghiêm trọng hơn và cả hai đang sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Trong quá trình chung sống, bà và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo N2 (nữ), sinh ngày 21/01/2016, hiện nay con chung đang chung sống với bà. Khi ly hôn, bà có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung Bà M xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, Bà M xác nhận không có.

Ông Nguyễn Đức N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết việc ly hôn giữa ông với Bà M. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông N có mặt để Tòa án tiến hành xét xử việc ly hôn giữa ông với Bà M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

\* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai để Tòa án tiến hành xét xử việc ly hôn giữa ông với Bà M nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng Dân sự. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Bà M được ly hôn với ông N, giao con Nguyễn Phạm Bảo N2 (nữ), sinh ngày 21/01/2016 cho Bà M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, Bà M xác nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Tuyết M có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức N, bị đơn có địa chỉ tại nhà số 65B, đường L T, phường B H H A, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình,

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Đức N tự nguyện chung sống với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyền số 01/2013 do UBND xã T T, huyện P N, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 20/5/2014, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên Bà M có đơn yêu cầu ly hôn với ông N.

[2.1]. Qua yêu cầu của Bà M, Hội đồng xét xử xét thấy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì Bà M đã không còn tha thiết chung sống với ông N nữa.

Ngày 27/01/2021, qua xác minh tại UBND phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, có kết quả trả lời: “Đến hết ngày 22/8/2022, UBND phường Bình Hưng Hòa A chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Đức N...”.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng Bà M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông N, còn ông N vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, đôi bên không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng của Bà M và ông N đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa mà có thể tác động xấu đến sự phát triển của con chung.

Từ những nhận định trên, nên yêu cầu ly hôn của Bà M đối với ông N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Bà M với ông N có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Bảo N2 (nữ), sinh ngày 21/01/2016. Hiện nay, trẻ Ngọc còn nhỏ và đang được Bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Bà M có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, trẻ Ngọc còn nhỏ nên rất cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của mẹ và hiện nay Bà M đang thực hiện điều này. Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống hiện tại của con, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và để đảm bảo việc phát triển tốt về mọi mặt của con nên giao con cho Bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết.

Từ những nhận định trên, đối với yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Nguyễn An Nhiên của Bà M là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà M xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà M xác nhận không có nên không xem xét.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Bà M được ly hôn với ông N, giao con chung Nguyễn Phạm Bảo N2 cho Bà M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết M.

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Đức N.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Bảo N2 (nữ), sinh ngày 21/01/2016 cho Bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà M cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm: Người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung: Bà M xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà M xác nhận không có nên không xem xét.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**2. Về án phí:** Bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0034250 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên Bà M đã nộp đủ án phí.

**3. Án xử công khai sơ thẩm,** các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ; VP (Nhân).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Văn Ái**